

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2025

V/v tranh chấp “Hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Mai và ông Lý Thanh Tú.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hà Phương My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Ông: Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HN ngày 14/12/2025 về việc Tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông C, Y-C, sinh ngày 23/10/1977; hộ chiếu số 366702311 do Đài Loan cấp ngày 07/8/2004; nơi cư trú: Số A, đường H, khóm C, phường T, khu P, thành phố Đ, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về thủ tục giao, nhận liên quan đến hồ sơ ly hôn (theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024), gồm: Ông Thượng Hoàng P, sinh năm 1978, cư trú: E N, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh và ông Đặng Văn T, sinh năm 1972, cư trú: F, khóm B, phường C, thành phố V.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 10/10/1999; CCCD: 089199018495 do Bộ C2 cấp ngày 03/9/2024; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, Việt Nam (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn ông C, Y-C3 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ N do quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2024, có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 22/10/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Quá trình chung sống với nhau tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên về sau giữa ông và bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình và lối sống khác biệt nhau, công việc nơi cư trú, bất đồng về ngôn ngữ, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, từ đó cả hai không thể hàn gắn và đã tự nguyện sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản ghi khai ngày 21/2/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Bà và ông C, Y-Cheng có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2024, có đăng ký kết hôn số 37 ngày 22/10/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang. Hạnh phúc thời gian đầu, sau đó do hai bên không phù hợp, xảy ra nhiều vấn đề bất đồng quan điểm, tính tình và lối sống khác biệt nhau, công việc nơi cư trú, bất đồng về ngôn ngữ, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, nên đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C, Y-Cheng không thể hàn gắn, nên bà N thống nhất đồng ý ly hôn với ông C, Y-C.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do công việc ở xa, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn này nên bà yêu cầu được vắng mặt.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn ông C, Y-Cheng không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và bị đơn bà N có đơn xin vắng mặt hòa giải, xét xử.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn và bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn C, Y-C và bị đơn Nguyễn Thị Mỹ N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2024. Ban đầu cuộc sống hôn nhân tương đối hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, công, việc, nơi cư trú, ngôn ngữ và lối sống. Ông C1 về Đài Loan không quay lại, hai bên ly thân và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hai bên không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm của cả hai phía

nhưng nay cả hai đều không còn tình cảm với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa ông C1 và bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông C1 là có cơ sở để chấp nhận theo quy định Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông C, Y-Cheng được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

Ông C, Y-Cheng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông C, Y-C, sinh ngày 23/10/1977; cư trú tại: Số A, đường H, khóm C, phường T, khu P, thành phố Đ, Đài Loan; bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N; cư trú: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, Việt Nam. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn vắng mặt và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông C, Y-C và bà Nguyễn Thị Mỹ N có tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2024, có tổ chức đám cưới tại xã T, huyện P, tỉnh An Giang, đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 22/10/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông C, Y-Cheng và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N đều thống nhất trình bày: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng tương đối hạnh phúc, sau đó có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống về công việc, nơi cư trú, ngôn ngữ và lối sống khác biệt nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên giữa ông C1 và bà N đã tự nguyện sống ly thân và không còn tình cảm với nhau.

Nguyên đơn ông C, Y-Cheng khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N có văn bản đồng ý ly hôn với ông C, Y-C.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông C, Y-C và bà Nguyễn Thị Mỹ N không thể hàn gắn do không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, bất đồng quan điểm và cách sống, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông C, Y-Cheng đối với bị đơn bà

Nguyễn Thị Mỹ N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn ông C, Y-Cheng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, Y-C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C, Y-C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông C1, Y-Cheng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000196 ngày 12/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông C, Y-C đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N là 15 ngày, kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Thời hạn kháng cáo của ông C, Y-Cheng là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh AG;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh AG;
- UBND huyện Phú Tân, tỉnh AG;
- Sở Tư pháp tỉnh AG;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa GD&NCTN;
- VP Tòa án tỉnh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Nữ Ngọc Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Mai

Lý Thanh Tú

Đào Nữ Ngọc Lan

